

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2023

“Về việc ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lan và ông Nguyễn Đức Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2022, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1979.

HKTT: Thôn BX, xã NQ, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thừa T, sinh năm 1976.

HKTT: Thôn BX, xã NQ, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa - chị Đỗ Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thừa T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã NQ năm 1997. Sau khi kết hôn anh chị ở chung cùng gia đình anh T được hơn một năm thì ra ở riêng. Năm 2006, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến năm 2016 chị về nước. Sau đó chị phát hiện anh T không chung thủy với chị dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi nhau to tiếng và sống ly thân. Năm 2017 anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, trong thời gian anh T ở nước ngoài vợ chồng cũng không liên lạc với nhau, không tập trung kinh tế cùng nhau, ai làm người ấy tự quản. Cuối năm 2021, anh T về nước nhưng giữa chị và anh T không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn, vợ chồng vẫn xảy ra cãi nhau, không có tiếng nói chung. Mặc dù anh chị vẫn ở chung nhà nhưng ăn riêng, ngủ riêng, không quan tâm nhau.

Nay chị xác định giữa chị và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống riêng.

Chị và anh T có hai con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 1998, Nguyễn Thừa Đ, sinh năm 2001 đã trên 18 tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về quan hệ tài sản: Trước khi mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị bổ sung yêu cầu khởi kiện chia tài sản khi ly hôn là quyền sử dụng đất tại thửa số 558, tờ bản đồ số 5, diện tích 191m² trên có nhà ở tại thôn BX, xã NQ, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn - anh Nguyễn Thừa T trình bày:

Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị L trình bày là đúng.

Anh xác định, sau khi kết hôn vợ chồng sống vui vẻ, hạnh phúc, đôi lúc cũng có xảy ra mâu thuẫn, mặc dù trong quá khứ anh có lỗi nhưng anh đã nhận sai. Trước khi anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan thì giữa anh và chị L đã phát sinh mâu thuẫn, khi anh đi Đài Loan làm kinh tế, chị L không quan tâm đến anh nên giữa anh và chị L không liên lạc với nhau, độc lập về kinh tế. Khi anh về nước anh và chị L vẫn ở chung nhà nhưng không ăn chung, ngủ chung mà sống ly thân, vợ chồng không còn giành tình cảm cho nhau. Nay, chị L xin ly hôn, anh xác định giữa anh và chị L mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm cho nhau nhưng anh không đồng ý thuận tình ly hôn, anh chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện giữa anh và chị L tự thống nhất thỏa thuận giải quyết dứt điểm về tài sản.

Anh và chị L có hai con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 1998, Nguyễn Thừa Đ, sinh năm 2001 đã trên 18 tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định: việc thụ lý đơn, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị L đảm bảo đúng quy định của pháp luật; người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị L, xử cho chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Thừa T.

- Về quan hệ con chung: Không phải giải quyết.
- Về quan hệ tài sản: Do yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của chị Đỗ Thị L phát sinh sau khi Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung này của chị Đỗ Thị L.
- Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng song bị đơn là anh Nguyễn Thừa T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ 2 không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Thừa T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã NQ, huyện BG, tỉnh Hải Dương nơi sinh sống của anh T, chị L tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/8/1997, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

Kết quả Tòa án thu thập chứng cứ, chị L, anh T đều thừa nhận: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng lòng chung thủy của nhau, không còn tình cảm, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, vợ chồng độc lập về kinh tế và sống ly thân nhiều năm nay.

Anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nhưng anh không đồng ý ly hôn với lý do vợ chồng chưa tự thỏa thuận được với nhau về phân chia tài sản chung. Bản thân anh cũng không tìm được biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn cuộc sống chung và cũng không thỏa thuận, thống nhất việc phân chia tài sản với chị L. Việc anh T đưa ra lý do như vậy mục đích để gây khó khăn cho chị L trong việc giải quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng: tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau... như vậy, việc anh chị đã ly thân, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ nhiều năm nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền L hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị L ly hôn anh T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị L, anh T có hai con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 1998 và Nguyễn Thừa Đ, sinh năm 2001 đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng;

[2.3] Về quan hệ tài sản: Trước khi tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, chị L, anh T đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Sau khi Toà án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên toà chị L bổ sung yêu cầu khởi kiện chia tài sản khi ly hôn là quyền sử dụng đất tại thửa số 558, tờ bản đồ số 5, diện tích 191m² trên có nhà ở tại thôn BX, xã NQ, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự: “1. Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu”. Tại mục 7, Phần IV Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC của Tòa án nhân dân tối cao ngày 07/4/2017 giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ của Tòa án có hướng dẫn: “...Tòa án chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi, bổ sung được thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải...”.

Tại đơn khởi kiện và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải ngày 15/2/2023 chị L chỉ yêu cầu giải quyết ly hôn, không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản. Ngày 07/3/2023, sau khi tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải và tại phiên toà chị L bổ sung yêu cầu khởi kiện chia tài sản. Như vậy, việc bổ sung yêu cầu khởi kiện chia tài sản của chị L đã vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu bổ sung chia tài sản của chị L trong vụ án này. Chị L có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn tại vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Chị L khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị L.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Thừa T.

2- Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002214 ngày 03/11/2022.

3 - Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Thừa T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết...

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã NQ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Nam